

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BỐ TRẠCH
TỈNH QUẢNG BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 20/2022/HS-ST
Ngày 28-4-2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BỐ TRẠCH, TỈNH QUẢNG BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Trung Thành.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hoàng Thanh Mai và bà Nguyễn Thị Hải.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nhạn - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình tham gia phiên tòa: Ông Lưu Minh Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 17/2022/TLST-ST ngày 28 tháng 02 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/2021/QĐXXST-HS ngày 14 tháng 3 năm 2022 đối với các bị cáo:

1. Lê Văn T; sinh ngày 23 tháng 02 năm 1985 tại huyện B, tỉnh Quảng Bình; nơi cư trú: Thôn A, xã B, huyện C, tỉnh Quảng Bình; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ học vấn: 02/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn K và bà Nguyễn Thị T; vợ: Trần Thị L và 02 con; tiền án: Không; tiền sự: không; bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 08/12/2021 cho đến ngày 27/01/2022 được tại ngoại cho đến nay. *Có mặt.*

2. Trương Xuân H; sinh ngày 01 tháng 6 năm 1970 tại huyện B, tỉnh Quảng Bình; nơi cư trú: Thôn Y, xã B, huyện C, tỉnh Quảng Bình; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ học vấn: 03/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Thiên chúa giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trương H và bà Lê Thị H; vợ: Nguyễn Thị Q (đã ly hôn) và 03 con; tiền án: Không; tiền sự: không;

Nhân thân: Tại bản án số 51/HSST, ngày 15/12/1997 bị Tòa án nhân dân huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình xử phạt 06 tháng tù về tội “Gây rối trật tự công cộng”, 06 tháng tù về tội “Gây tổn hại cho sức khỏe người khác” và 10 tháng tù về tội “Hủy hoại tài sản công dân”, tổng hợp hình phạt buộc thi hành 22 tháng tù; ngày 24/3/2003, bị Công an huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình xử phạt hành chính 200.000 đồng về hành vi “Gây rối trật tự công cộng”; bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 08/12/2021 cho đến ngày 14/01/2022 được tại ngoại cho đến nay. *Có mặt.*

- *Bị hại*: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1982; địa chỉ: Thôn A, xã B, huyện C, tỉnh Quảng Bình. *Có mặt*

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án*: Ông Hoàng Văn Q, sinh năm 1980; địa chỉ: Thôn Z, xã B, huyện C, tỉnh Quảng Bình. *Có mặt*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên toà, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Ngày 25/11/2021, Lê Văn T trong khi đi xây lãng mộ cho bố tại nghĩa địa thì nhìn thấy 04 con bò, gồm: 01 con bò mẹ và 03 con bò đang chăn thả rông không có người trông coi. T gọi điện hỏi Trương Xuân H lên xem có phải là bò của H không thì H bảo không phải bò của mình nên T rủ H trộm 04 con bò đem bán lấy tiền tiêu xài cá nhân thì được H đồng ý và cả hai cùng lừa đàn bò về giấu 01 ở chuồng bò bỏ hoang để tìm nơi tiêu thụ. Sáng hôm sau, T và H quay lại khu vực giấu bò và bàn bạc nếu bán được 04 con bò với giá 22.000.000 đồng thì sẽ chia cho H 15.000.000 đồng. Sau đó, T gọi điện hẹn cho anh Lê Quang V ra khu Vực C để xem và bán số bò trên; đồng thời T gọi điện thuê xe ô tô tải của anh Hoàng Văn Q đến khu vực giấu bò và cùng H dắt bò lên xe để chở đi tiêu thụ thì chị Nguyễn Thị H là chủ sở hữu số bò trên phát hiện bắt giữ.

Theo kết luận định giá tài sản số 77/KL-HĐĐGTS ngày 01/12/2021 xác định: 01 con bò mẹ, lông màu vàng, trọng lượng 182 kg trị giá 20.000.000 đồng; 01 con bò cái, lông màu vàng, trọng lượng 127 kg trị giá 15.000.000 đồng; 01 con bò con lông màu vàng, giống bò cái, trọng lượng 63 kg trị giá 8.000.000 đồng; 01 con bò con, lông màu vàng, giống bò cái, trọng lượng 48 kg trị giá 6.000.000 đồng; Như vậy, tổng giá trị tài sản mà các bị cáo đã chiếm đoạt của bị hại là 49.000.000 đồng (BL: 44 - 45, 76 - 89, 93 - 106)

Vật chứng vụ án: Cơ quan CSĐT Công an huyện Bố Trạch đã thu giữ và xử lý trả lại cho bị hại tất cả 04 con bò; trả lại 01 xe ô tô tải BKS 73C - 056.74; 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 006656; 01 Giấy phép lái xe ô tô số 440143009173; 01 Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông đường bộ cơ giới số KD 6391369; 01 Giấy chứng nhận bảo hiểm bắt buộc trách nhiệm dân sự của chủ xe ô tô số AD22/0028120 cho anh Hoàng Văn Q. (BL: 32 - 35, 48 - 50).

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại Nguyễn Thị Hồng đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu gì. (BL: 54-55)

Cáo trạng số: 18/CT-VKSBT ngày 23/02/2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình truy tố và đề nghị xét xử các bị cáo về tội “Trộm cắp tài sản”. Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

+ Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Lê Văn T mức án từ 24 tháng đến 30 tháng tù cho hưởng

án treo, thời gian thử thách từ 48 tháng đến 60 tháng giao bị cáo cho chính quyền địa phương quản lý, giáo dục trong thời gian thử thách của án treo

+ Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Trương Xuân H mức án từ 18 tháng đến 24 tháng tù, nhưng được trừ đi thời gian bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 08/12/2021 đến ngày 14/01/2022.

Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo; về trách nhiệm dân sự và xử lý vật chứng không xem xét và buộc các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa: Các bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội đã thực hiện như cáo trạng đã truy tố và không tranh luận gì, đồng thời bị cáo đã nhận thức rõ hành vi phạm tội của mình đã gây ra là vi phạm pháp luật, nên rất ăn năn hối cải và mong Hội đồng xét xử xem xét để được hưởng chính sách khoan hồng của pháp luật. Người bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án không có ý kiến, yêu cầu gì thêm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ Luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật.

[2] Về hành vi phạm tội, tội danh: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, các bị cáo thừa nhận toàn bộ quá trình thực hiện hành vi phạm tội đúng như Cáo trạng đã truy tố. Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với vật chứng bị thu giữ, lời khai của bị hại và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, kết luận định giá tài sản cũng như các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Vì vậy, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở xác định: Lợi dụng sở hữ trong việc quản lý tài sản của người khác và ý thức xem thường pháp luật, Lê Văn T và Trương Xuân H đã có hành vi cùng nhau trộm cắp 04 con bò của chị Nguyễn Thị H để bán lấy tiền chia nhau tiêu xài cá nhân thì bị phát hiện bắt giữ. Theo kết luận định giá tài sản trong tố tụng hình sự thì 04 con bò, gồm 01 bò mẹ và 03 bò con có tổng giá trị 49.000.000 đồng.

Với hành vi trộm cắp tài sản có giá trị như trên của các bị cáo với lỗi cố ý đã thỏa mãn các yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự. Do đó, Cáo trạng của Viện kiểm sát và bản luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa đề nghị truy tố và xét xử các bị cáo theo tội danh và điều luật nêu trên là hoàn toàn có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

[3] Về tính chất đồng phạm: Trong vụ án này có 02 bị cáo cùng nhau thực hiện hành vi phạm tội. Tuy nhiên, hành vi phạm tội của các bị cáo chỉ mang tính chất đồng phạm giản đơn, không có tổ chức. Trong đó, T là người rủ rê và H là người thực hành tích cực.

[4] Về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo đều là người trưởng thành, có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự nhưng đều có trình độ học vấn thấp, cho nên nhận thức về pháp luật và am hiểu đời sống xã hội còn có hạn chế nhất định. Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự và trong quá trình giải quyết vụ án đều có thái độ thành khẩn trong khai báo, thể hiện sự ăn năn hối cải nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Đối với bị cáo T có nhân thân tốt, lần đầu phạm tội và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên còn được áp dụng tình tiết giảm nhẹ theo định tại điểm b khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự để xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt. Riêng bị cáo H có nhân thân xấu, đã từng bị kết án và bị xử phạt hành chính nhưng không lấy đó làm bài học tu dưỡng cho bản thân mà tiếp tục phạm tội, qua đó thể hiện thái độ xem thường pháp luật của bị cáo.

[5] Về hình phạt chính: Căn cứ vào nhân thân, tính chất mức độ nguy hiểm và hậu quả của hành vi phạm tội, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự các bị cáo được hưởng thấy rằng: Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm, trực tiếp xâm phạm đến tài sản của công dân được pháp luật hình sự bảo vệ, thể hiện sự xem thường pháp luật. Do đó, cần áp dụng hình phạt đủ nghiêm, cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội trong một thời gian nhất định mới có đủ tác dụng, giáo dục răn đe. Tuy nhiên, đối với bị cáo T có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng, có hai tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nên đủ điều kiện để được hưởng án treo theo quy định tại Điều 65 của Bộ luật hình sự. Do đó, đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa đề nghị áp dụng hình phạt tù có thời hạn và cho hưởng án treo đối với bị cáo T là phù hợp, có căn cứ nên cần được chấp nhận.

[6] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại Khoản 5 Điều 173 Bộ Luật hình sự thì *“Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng...”*. Tuy nhiên, xét thấy các bị cáo đều làm ruộng, không có nguồn thu nhập ổn định và điều kiện kinh tế còn khó khăn, cho nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[7] Về xử lý vật chứng, trách nhiệm dân sự: Xét thấy việc thu giữ và trả lại tài sản và các vật chứng cho bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trong vụ án đã được Cơ quan cảnh sát điều tra thực hiện đúng quy định của pháp luật. Tại phiên tòa không ai có ý kiến, yêu cầu gì thêm nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Về án phí: Buộc các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[9] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

[10] Liên quan đến vụ án còn có anh Lê Quang V là người mà bị cáo T gọi điện hẹn đến xem để bán bò nhưng việc mua bán chưa diễn ra và anh Hoàng Văn Q là người được thuê để chuyên chở bò đi tiêu thụ nhưng họ đều không biết tài sản do các bị cáo trộm cắp mà có nên không xem xét trách nhiệm để xử lý trong cùng vụ án là đúng pháp luật. Tuy nhiên, thông qua phiên tòa cũng cần nhắc nhở rút kinh nghiệm trong việc mua bán, chuyên chở tài sản không rõ nguồn gốc.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Lê Văn T và Trương Xuân H phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

2. Về hình phạt:

2.1. Hình phạt chính:

- Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự:

Xử phạt bị cáo Lê Văn T **24** (hai mươi bốn) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách **48** (bốn mươi tám) tháng.

Giao bị cáo Lê Văn T cho UBND xã B, huyện C, tỉnh Quảng Bình giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách của án treo. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của Bản án đã cho hưởng án treo.

- Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự:

Xử phạt bị cáo Trương Xuân H **18** (mười tám) tháng tù, nhưng được trừ đi thời gian bị tạm giữ, tạm giam (từ ngày 08/12/2021 đến ngày 14/01/2022). Thời gian chấp hành hình phạt tù còn lại tính từ ngày thi hành án.

2.2. Hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo

3. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án

Buộc các bị cáo Lê Văn T, Trương Xuân H mỗi bị cáo phải chịu nộp 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm để sung công quỹ Nhà nước.

4. Quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh QB;
- VKSND tỉnh QB;
- Sở Tư pháp tỉnh QB;
- Phòng PV 06 CA tỉnh QB;
- VKSND huyện Bồ Trách;
- CA huyện Bồ Trách;
- Chi cục THADS huyện Bồ Trách;
- UBND xã B, huyện C;
- Bị cáo; Bị hại; NCQLNVLQ;
- Lưu: HSVA, VP, THA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trần Trung Thành